**Như Phong**

Buổi học cuối cùng

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

**Như Phong**

Buổi học cuối cùng

Buổi ấy qua đã ngót mười năm nay rồi. Thế mà tôi còn nhớ mãi như vừa hôm qua. Cái kỷ niệm xa xôi của buổi ấy cứ theo đuổi mãi tôi như một điều hối hận. Trong xó chiếc nhà tranh trống trải, có lẽ một đêm kia, ông đồ già - thầy học cũ của tôi - đã nhắm mắt từ trần. Tôi đã tưởng tượng ra cái chết, vây phủ bởi muôn ngàn cái túng thiếu, ông già nghèo khổ, ốm yếu ấy. Có lẽ một đêm kia... giữa cơn thịnh nộ của trời đất bên ngoài, trong khi cơn gió ào ào vặn chuyển tấm mái tranh mỏi mệt và những giọt mưa dầm thi nhau rả rích tuồn xuống nền nhà thì ông đồ, trên giường bệnh, đã gượng nâng chút sức tàn nhổm dậy và cất tiếng gọi trong đêm tối; trả lời ông chỉ có sự quạnh hiu. Vợ con ông không còn ai, hàng xóm thì ở xa. Ông gọi mãi cho đến khi hơi thở ông đứt, không còn gọi được nữa. Cái chết rùng rợn đến lôi ông đi. Và, mãi đến tận ngày hôm sau, người ta mới thấy ông nằm chết còng queo trong gian nhà lạnh ngắt. Thương tình, người ta bó ông lại và vùi ông xuống dưới nấm đất đen. Lâu lâu, không ai nói đến ông nữa. Bây giờ, có lẽ, dưới một vùng cỏ thê lương, ông đồ già đã nằm trầm ngâm một cách yên tĩnh và ngủ một giấc êm thấm nhất của đời ông.  
Tôi đã tưởng tượng ra như vậy và tôi yên trí là ông đã chết rồi. Đối với một số người, cái chết cũng đáng mong như một sự giải thoát.  
Vậy thì ông đồ đã chết rồi. Thế nhưng cớ sao, trong những giờ quạnh quẽ của đời tôi vẫn thấy ông đồ trở lại như một ám ảnh? Cái bóng ma ấy hình như muốn tôi một điều gì! Cho đến cả chiều nay, trong khi ngả những dòng trên mặt giấy, tôi lại phảng phất thấy ông đồ già ngồi dưới bóng đèn... Như những ngày nào, vẫn cái nụ cười kín đáo, sâu sắc và đôi mắt nghiêm nghị nhưng hiền từ. Cả người ông bọc trong sự yên lặng, cái tấm vải khâm liệm cuối cùng của người chết...  
Ngày ấy, ông đồ sống một cách hầu như trơ trọi trong một gian nhà cũ nát ở đầu làng. Nhà chia làm hai gian nhỏ, mái tranh thì thủng lỗ chỗ, trời nắng còn khá chứ gặp ngày mưa thì dột lung tung. Gặp những đêm mưa to, thường khi ông đồ phải bó gối ngồi thức tới sáng! Phần thì không có chỗ nằm, phần thì ông lo ướt mất chồng sách cổ, cái mà ông quý hơn cả tính mệnh. Một mảnh sân đầy rêu và đầy nước đọng bao bọc cái nhà ở tiêu điều ấy.  
Bà đồ mất đã lâu rồi. Cả ba người con, hai trai một gái, cũng lần lượt đi theo chân bà. Ông đồ nuôi một đứa cháu họ xa, năm ấy lên mười một tuổi. Chừng thằng bé vừa ở hầu hạ ông vừa ăn mày ông đôi ba chữ.  
Cách sinh nhai đạm bạc của ông đồ trông vào lũ trẻ con của dăm bảy nhà trong làng. Tôi và anh tôi cũng có ở trong số học trò đó. Tuy hồi đó ai ai cũng biết rằng chữ nho đã vô dụng rồi nhưng, trong những gia đình nề nếp, người ta vẫn muốn cho trẻ biết qua loa dăm ba chữ gọi là vớt vát lại đôi chút cái học căn bản ngày xưa. Một lẽ nữa gần sự thực hơn là khi ấy trường trong làng chưa mở mà để trẻ con ở nhà lêu lổng là một sự không nên.  
Nhờ có lũ học trò "nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi", cắp sách đến trường nếu không phải để bôi nhoèn mực vào tay và quần áo thì cũng đấm đánh nhau chí chóe; nhờ có lũ trẻ con ấy, ông đồ cũng sống được một cách thư thả và suốt ngày làm cái phận sự của một nhà nho là nằm dài trên phản để đọc thơ đọc phú. Đôi lúc thích chí, ông lấy mấy đầu ngón tay móng để dài vút gõ xuống giường và ngâm thơ vang nhà...  
Được hai năm.  
Một ngày kia, người ta khánh thành nhà học trong làng. Một tòa nhà sừng sững trên một cái nền cao ráo, màu ngói mới đỏ rực và màu tường vôi trắng xóa nổi bật lên trên nền men chàm lộng lẫy của da trời. Những nhà có trẻ đều được chức dịch trong làng đến tận nhà khuyên nên cho con đi học.  
Thế rồi số học trò của ông đồ cứ mỗi ngày một sụt xuống. Đứa nào cũng nói là xin nghỉ ở nhà; rồi chỉ độ hôm sau, ông đồ đã thấy chúng ung dung cắp sách đến trường làng học. Tội nghiệp! Ông đồ vẫn làm ra vẻ thản nhiên, không lo lắng. Nhưng mỗi ngày ông một đổi khác. Người ta ít thấy ông ngâm thơ nữa. Lưng ông còng thêm xuống; trông ông như già lên mấy tuổi nữa.  
Số học trò của ông đồ dần dần chỉ còn có ba: tôi, anh tôi và thằng Tý, cháu ông.  
Ngày ấy, tôi hãy còn nhỏ. Vậy mà khi cắp sách bước qua cái ngưỡng cửa tối om của nhà ông đồ, cảm thấy cái nghèo túng cơ cực của ông một cách rõ rệt, tôi cảm thấy trong lòng tự nhiên chua xót, rây rứt mãi không thôi.  
Có một bận, đến học hơi sớm hơn lệ thường, chúng tôi gặp ông đồ, mặc cái áo cánh rách bẩn, đương ngồi nhặt rau ở ngoài thềm để cho thằng Tý cắm cúi nhóm bếp thổi cơm. Thấy chúng tôi vào, ông đồ mỉm cười một cách ngượng nghịu rồi buông rổ rau đứng dậy; trông ông có vẻ bối rối của một đứa trẻ đang chơi nghịch mà gặp người lớn. Không hiểu thấy như vậy, anh tôi nghĩ sao chứ đối với tôi cảnh ấy như mở một cái cửa sổ con trên cái cuộc đời nghèo túng, vất vả, cay đắng của ông nhà nho lỡ thời.  
Mọi ngày thường, tôi không bao giờ dám nhìn tận mặt ông đồ, không hiểu sao hôm ấy tôi lại tò mò ngắm ông đồ như muốn in sâu trong óc hình ảnh ông cùng cái khung tiều tụy của đời ông.  
Ông đồ năm ấy đã già lắm. Mái tóc và chòm râu thưa của ông đã lơ phơ bạc. Người ông bé nhỏ và gầy yếu; đôi vai mỏng mảnh, trơ xương, nhô lên sau lần áo rộng lùng thùng. Mặt ông dăn deo như một quả táo tàu. Mồm ông móm và thụt sâu vào như có ai lấy tay ấn xuống; khi ông nói thì giọng ông hơi phều phào, khó nghe một chút. Đôi mắt ông toét nhoèn và đầy rử nên thường thường ông vẫn có một cái khăn tay đỏ vắt ngang vai để thỉnh thoảng chùi mắt.  
Hình ảnh ông như bao giờ cũng ở trước mắt tôi.  
... Một hôm thày tôi gọi chúng tôi ra dặn:  
- Thôi ngày mai chúng mày sang xin phép thầy đồ nghỉ ở nhà nhé!  
Nghỉ ở nhà? Để ông đồ trơ vơ lại trong khi ông chỉ còn nương tựa vào hai cái hy vọng cuối cùng là chúng tôi? Tôi thấy ái ngại không nỡ làm sự tàn nhẫn ấy!  
Tôi hỏi thày tôi:  
- Thế thưa thày nghỉ để làm gì ạ?  
- Tao định xin cho hai anh em chúng mày vào trường làng để kiếm lấy dăm ba chữ tây chứ cái chữ nho bây giờ không sống được, các con ạ!  
Tôi đánh bạo:  
- Nhưng thưa thầy con không thích học chữ tây, con chỉ muốn học ông đồ.  
- Im đi! Trẻ con biết gì nào - Thày tôi quát.  
Thế là, sáng sớm hôm sau... buổi học cuối cùng của chúng tôi!  
... Chúng tôi đến nhà ông đồ muộn hơn ngày thường. Đến cửa, chúng tôi còn thập thò mãi không chịu vào. Sau khi đùn nhau đi trước mãi, tôi với anh tôi mới khe khẽ bước qua cổng và len lén vào như hai đứa ăn trộm.  
Ông đồ ngồi đợi chúng tôi trên phản.  
- Sao hôm nay đến chậm thế?  
Ông đồ hỏi bằng cái giọng làm ra nghiêm khắc nhưng vẫn hiền từ. Vừa hỏi, ông vừa hạ thấp cặp kính trắng xuống gần giữa sống mũi và ngước mắt nhìn chúng tôi.  
Chúng tôi ngồi vào cái yên dài để cạnh phản và giở sách ra. Như lệ thường, ông bắt chúng tôi đọc bài rồi mới đưa cái bản mẫu phỏng cho chúng tôi tập viết. Chưa đến lượt tôi, tôi khoanh tay ngồi nghe anh tôi đọc bài, giọng đọc y như nhai chữ, vang trong gian nhà trống trải, hôm ấy đối với tôi như có một cái gì thống thiết, não ruột lạ thường! Tôi hết nhìn ông đồ lại nhìn những cột nhà đã mọt ruỗng, như kẽ hở ở đầu nhà có ánh sáng lọt vào... Tôi âm thầm nghĩ rằng, chỉ bắt đầu từ mai, tôi không được nhìn những cái ấy nữa!  
- Tý, đọc bài. Làm gì mà ngẩn người ra thế?  
Tôi đứng lên như cái máy. Miệng tôi ấp úng. Tôi không đọc được chữ nào, tuy bài ấy tôi đã thuộc từ tối hôm trước. Vì lúc ấy lòng tôi xốn xang quá; cổ họng tôi như nghẹn ngào... Thấy ông đồ ngước mắt nhìn tôi ra ý đợi, tôi muốn gào to lên một tiếng: "Vô ích! Vô ích! Tôi không cần phải thuộc bài hôm nay. Vì chỉ ngày mai... ngày mai thôi..." Nhưng tôi không nói lên được. Mà ông đồ cũng không hiểu. Ông lấy cái roi mây khe khẽ gõ vào đầu tôi và cho tôi ngồi xuống.  
Giờ tập viết.  
Rồi cái phút cuối cùng, phút mà tôi lo sợ nhất. Trống ngực tôi đánh thình thình. Như sợ ông đồ biết được những ý nghĩ lộn xộn đương xô đẩy nhau ở trong óc tôi, tôi cúi gầm mặt xuống. Tôi đợi anh tôi nói. Tôi đếm từng phút. Tôi nín thở...  
Xong rồi, anh tôi đã đứng dậy. Anh tôi khoanh tay. Tôi liếc mắt, rình nét mặt ông đồ. Anh tôi nói:  
- Thưa thầy, từ ngày mai xin phép thầy cho chúng con nghỉ ở nhà...  
Mặt ông đồ hình như hơi đổi khác.  
- Thế à?... Thế... các con nghỉ ở nhà làm gì?  
- Thưa thầy... thưa thầy, chúng con không biết.  
- Các con không biết... Vì thày ở nhà dặn con nói thế, phải không?  
- Thưa thầy... vâng ạ.  
- Vậy thì các con về thưa với thày rằng từ ngày mai thầy bằng lòng cho các con nghỉ. Các con có thể ở hẳn nhà hay là... xin vào trường làng học chữ tây cũng được... Vì rằng...  
Cặp môi ông cụ bỗng phác thành một nụ cười và sau cặp kính hình như mắt ông rơm rớm ướt. Ngoảnh đi nơi khác, ông hạ thấp giọng nói xuống:  
-... Vì rằng chữ nho bây giờ vô dụng rồi!  
Chúng tôi khoanh tay đứng yên lặng nhìn ông đồ. Tiếng mọt trong một cái cột nào đó, kẽo cọt đục gậm sự yên lặng... Một lúc.  
Ông đồ quay lại chúng tôi:  
- Kìa! Thôi thầy cho phép các con về.  
Anh tôi và tôi nắm tay nhau, ngần ngại không biết nên đi ra hay là nên ở lại. Ông đồ giơ tay với lấy một cái gối sơn đã cũ rồi từ từ ngả lưng xuống phản. Một tay ông vắt lên trán còn tay kia ông ra hiệu cho chúng tôi lui ra.  
- Lạy thầy ạ!  
Anh tôi cắp sách bước ra trước. Còn tôi, đến lượt tôi nhắc lại tiếng chào ấy, tôi thấy làm sao ở trong cổ họng. Lòng tôi thổn thức... Tôi muốn òa lên khóc.  
Thời gian đã đưa tôi đi xa buổi ấy rồi. Nhưng tôi còn nhớ mãi như vừa mới hôm qua. Ông đồ già, ngày nay, có lẽ cũng đã chết. Nhưng kỷ niệm của ông cứ theo đuổi tôi mãi mãi, cứ ở lại trên đường tôi đi như một sự ám ảnh... không sao mất được!  
Tiểu thuyết thứ bảy  
Số 163 (1937).

**Như Phong**

Buổi học cuối cùng

*Tưởng nhớ người thầy giáo làng  
thời thơ ấu của tôi*   
Năm ấy tôi học lớp ba trường làng1. Làng tôi nằm ngay dưới chân đê con sông Luộc. Tiếng chuông nhà thờ Quỳnh Lang đã quyện vào những năm tháng bé nhỏ của tôi. Tiếng chuông trong trẻo sớm mai gọi chúng tôi thức dậy. Tiếng chuông êm ả ban chiều lùa chúng tôi quay trở về tổ ấm. Nhưng niềm hân hoan lớn nhất đối với bọn học trò nhỏ chúng tôi bao giờ cũng là tiếng chuông ban trưa. Tiếng chuông đổ dồn từng hồi rộn rã từ phía gác chuông cao vời vợi. Cả nửa thế kỷ, hai cuộc chiến tranh, tôi đi khắp bốn phương trời, mà vẫn không dứt được cái âm vang kỳ ảo ấy. Các bạn hỏi tại sao ư? Tôi xin tiết lộ điều bí mật này. Đối với đám học trò trường làng, hồi chuông ban trưa là một niềm vui thánh thiện. Đó là thông điệp báo hiệu sự kết thúc một buổi sáng bị trói chân tù túng trong bốn bức tường lớp học. Tiếng chuông ấy là mệnh lệnh cho những con chim được xổ lồng. Tất cả lũ trò nhỏ ùa ra. Reo hò. Bay bổng. La hét nổ tung những cái lồng ngực bé xíu giữa quãng đồng không, nhảy nhót tí tởn trên đường về các lối xóm. Đấy, tiếng chuông nhà thờ Quỳnh Lang đối với chúng tôi có sức cuốn hút thần thánh là vì như vậy.  
Đến lớp, lúc nào thầy giáo của chúng tôi cũng mặc cái áo dài bằng the đen. Quần trắng bao giờ cũng phẳng phiu trùm trên đôi dép "Chí long" đen bóng. Đầu đội khăn xếp đen. Tất cả trang phục của thầy hồi ấy bây giờ ta chỉ có thể tìm lại được ở "đám liền anh" trong ngày hội quan họ. Chỉ có điều khác là trên nền áo của đám liền anh thì có điểm những hình chữ thọ, còn áo của thầy thì nên nã chỉ một mầu đen. Thú thật là, dù có đôi chút khác biệt, song lần nào cũng vậy, cứ trông thấy "đám liền anh" trong ngày hội là lòng tôi se lại, nhớ thầy, nhớ tuổi thơ, nhớ phút xổ lồng khi bắt đầu đổ dồn tiếng chuông ban trưa rộn rã âm vang từ phía nhà thờ. Và, các bạn ạ, lòng tôi quặn đau nhất vẫn là khi nhớ lại hồi chuông ban trưa hôm ấy, cái buổi trưa cuối cùng chúng tôi được sống với thầy. Tôi nhớ sáng rõ trong ký ức, đó là ngày Quan Kiểm học đến trường. Quan Kiểm học phát trước chúng tôi một mệnh lệnh vô cảm. Đó là ngày thầy của chúng tôi phải ra đi.  
Hôm ấy là bài giảng cuối cùng của thầy. Chúng tôi đã học thầy ba năm, lớp Đồng ấu, lớp Dự bị và lớp Sơ đẳng, giống như lớp Một, lớp Hai và lớp Ba của ta bây giờ. Chỉ khác là hồi ấy gọi ngược với bây giờ, lớp Đồng ấu gọi là lớp Năm, hay là lớp Khai tâm, lớp Dự bị gọi là lớp Tư, còn lớp Sơ đẳng gọi là lớp Ba. Ngày ấy cũng như bây giờ, thầy dậy theo học sinh từ lớp khai tâm cho đến hết bậc tiểu học.  
Tôi nhớ câu chuyện diễn ra vào giờ của bài học thuộc lòng. Mấy buổi liền thầy giảng cho chúng tôi bài thơ của người tử tù Nguyễn Phi Khanh gửi con trai là Nguyễn Trãi trong giờ khắc ly biệt, khi ông bị giải tới vùng biên ải. Bài thơ là tâm sự của người chí sĩ đang trút hơi thở cuối cùng cho cuộc đấu tranh chống xâm lược ngoại bang:  
Cha trót phận tuổi già sức yếu  
Lỡ sa cơ đành chịu bó tay  
Thân lươn bao quản vũng lầy  
Giang sơn gánh vác sau này cậy con.  
Những tình cảm da diết ấy cứ như không phải của Nguyễn Phi Khanh khuyên nhủ Nguyễn Trãi, mà là của chính thầy đang gửi gắm chúng tôi. Thầy gọi một số bạn trong lớp đọc, rồi thầy cho đọc đồng thanh, giống như giờ học thuộc lòng của mọi ngày khác. Nhưng có điều rất lạ, cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu nổi, tại sao những buổi học ấy, thầy giảng cứ như là giờ giảng văn tôi được học ở bậc trung học sau này. Tôi cảm giác cứ như thầy trao cho chúng tôi tất cả tâm tình, không chỉ tình cảm cha con của cụ Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Trãi, mà vun vào trái tim bé nhỏ của chúng tôi tất cả tình cảm cao cả của các bậc chí sĩ tiền bối.  
Thầy đọc một mình, cứ như ngâm thơ cho chúng tôi nghe vậy:  
Con phải nghĩ tổ tông khi trước  
Đã từng phen vì nước gian lao  
Tất cả chúng ta ai mà chẳng đã qua thời học những bài học thuộc lòng khi còn học tiểu học. Có những bài làm ta rung cảm, song cũng có những bài mà ta không thể nào thuộc được. Thật là đau khổ, khi buổi sớm mai đến lớp, ta bị thầy gọi lên bảng. Có khi ta đọc trôi chảy đoạn này, nhưng lại ấp úng đoạn kia, vò đầu, ngoáy tay, quệt mũi, mười đầu ngón tay cứ cấu móng của nhau... thôi thì làm đủ mọi động tác cốt sao cho qua cái cảm giác muốn chui xuống đất ngay cái chỗ ta đang đứng, để khỏi phải nghe những lời thầy quở trách. Với bài này thì không. Suốt mấy ngày học bài này thầy chẳng gọi ai đọc bài. Tự thầy đọc, giọng cứ ngân nga. Mỗi ngày một đoạn thấm vào tận nơi sâu kín nhất trong lòng mỗi đứa trẻ chúng tôi. Ngày hôm sau đến giờ học thuộc lòng, thầy chỉ hỏi: "Trò nào muốn đọc?". Thế mà trò nào cũng xin được đọc, mà đọc trôi chảy. Sau này lớn lên, đi khắp bốn phương trời, tôi vẫn còn nhớ mãi những lời vang vọng, cứ như lời ru ấm áp trào lên từ lòng mẹ và còn lưu đọng mãi trong con tim bé nhỏ của ta.  
Bữa ấy, khi thầy vừa giảng đến đây thì chúng tôi bỗng nghe tiếng còi ô-tô trên mặt đường đê sông Luộc, xe đi từ phía Bến Hiệp lên. Rồi xe dừng ngay dầu dốc lối xuống trường tôi. Thầy tôi liếc nhìn ra. Chúng tôi thấy thầy hơi khựng lại, dường như chờ đợi một điều gì đó. Nhưng thầy lại tiếp tục.  
Chiếc xe đen lần xuống theo đường dốc gập ghềnh. Đúng là xe đi về phía trường tôi. Xe chồm lên một lùm cỏ và đậu xịch giữa sân trường, nơi chúng tôi vẫn xếp hàng chào cờ và hát bài "Quốc ca"... bằng tiếng Pháp mỗi sáng thứ hai.  
Trong khi tôi đang nghĩ miên man, thì một quý ông có ria mép, đội mũ phớt và mặc bộ quần áo tây sáng mầu, rất nghiêm nghị bước xuống xe. Thầy tôi ngừng giảng, ra hiệu chúng tôi đứng dậy. Thầy ra cửa chào và đón vị khách vào lớp.  
Thầy chúng tôi từ ngoài cửa quay trở lại trước bảng đen, đứng nghiêm trang hướng về phía vị khách:  
- Bẩm xin phép Quan Kiểm học. - Tất cả lớp đứng dậy nghiêm trang. Thầy tiếp - Thầy giới thiệu với các trò, Quan Kiểm học về thăm trường...  
Quan Kiểm học không chờ thầy chúng tôi nói hết lời :  
- Assoyez vous. - ông ra lệnh cho chúng tôi được ngồi xuống bằng tiếng Pháp, rồi dằn từng tiếng lạnh lùng - Tôi không đến thăm trường. Tôi thừa hành công vụ, về thanh tra.  
Vừa nói, Quan Kiểm học vừa ngồi vào bàn của thầy, vừa yêu cầu thầy trình sách giáo khoa và các phiếu chuẩn bị bài giảng. Trên bàn thầy lúc đó tôi thấy có cuốn Quốc văn Giáo khoa thư và cuốn Vận văn Bách tuyển của soạn giả Trần Tuấn Khải. Tôi nhớ rõ lắm, nhớ rất rõ tên hai cuốn sách, bởi vì trong khi giảng bài, thầy đã bắt chúng tôi chép rất rõ tất cả những dòng như thế.  
Quan Kiểm học cầm cuốn Quốc văn Giáo khoa thư lướt nhanh, rồi đẩy về phía thầy. Tiếp đó lật đi lật lại rất kỹ cuốn Vận văn Bách tuyển. ông hỏi:   
- Thầy đang giảng bài gì?  
- Thưa...  
Thầy tôi vừa nói được lời đầu tiên thì Quan Kiểm học chặn lại.  
- Không, - Quan Kiểm học dùng ngón trỏ rung rung chỉ một học sinh ngồi ngay bàn đầu, - Trò này.  
- Bẩm Quan Kiểm học, - Cô học trò nhỏ khoanh tay, nói lí nhí, - Thưa, thầy con đang giảng bài học thuộc lòng ạ.  
- Bài gì? - Quan Kiểm học chỉ một trò ở bàn thứ ba.  
- Bẩm dạ Quan Kiểm học bài thơ của cụ Nguyễn Phi Khanh ạ.  
- Thầy giảng tiếp. - Ông nói như một mệnh lệnh bằng thép.  
Thầy tôi hướng về phía lớp:  
- Các trò chú ý. Thầy đã giảng đến đâu? Trò nào có thể đọc để trình Quan Kiểm học.  
Tôi giơ tay xin được thầy cho đọc. Thầy giáo gật đầu. Tôi đọc cái đoạn tôi thuộc nhất trong bài học thuộc lòng hôm trước :  
Coi lịch sử gương kia còn tỏ  
Mở dư đồ đất nỏ chưa tan  
Giang san này vẫn giang san  
Mà nay sẻ nghé tan đàn từ đây  
- Thôi trò ngồi xuống. - Thầy giáo tôi lại tiếp:  
Thời thế có anh hùng là thế  
Chữ vinh hoa xá kể làm chi  
Mấy trang hào kiệt xưa kia  
Hy sinh thân thế cũng vì nước non.  
Quan Kiểm học vừa chăm chăm dõi theo bài giảng, vừa chau đôi mày có vẻ như đang có điều gì suy nghĩ ghê gớm lắm. Rồi ông lại cầm cuốn Vận văn Bách tuyển, vẫn lật qua lật lại như lúc ban đầu. Ông dừng lại rất lâu ở trang có in bài thơ của cụ Nguyễn Phi Khanh... rồi hình như ông không chịu đựng được nữa, ngắt lời thầy:  
- Thầy giảng bài này với ý định gì đây ? Thầy định... định kêu gọi lũ học trò này làm cái việc mà các thầy gọi là "hy sinh vì nước"? - Quan Kiểm học hỏi dồn một mạch, không có ý chờ đợi thầy tôi trả lời. Quan Kiểm học lại tiếp, - Thầy định nói gì đây? Hay là dạy bầy học trò này chống lại mẫu quốc, chống lại Quan Toàn quyền? - Thầy tôi khựng lại. Ông Kiểm lại tiếp - Thôi được, thầy cứ tiếp tục đi. - Quan Kiểm học lại ra lệnh như vậy.  
Lạ kìa, thầy tôi cứ thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Rất tự tin, giảng một mạch, càng giảng càng say sưa. Với một âm điệu chan chứa tình yêu, giọng thầy trầm lặng:  
Con đang độ người son tuổi trẻ  
Bước cạnh tranh há dễ nhường ai  
Phải nên thương lấy giống nòi  
Đừng ham phú quý mà nguôi tấc lòng.  
- Thôi... Đủ!  
Ông Kiểm đập bàn. Thầy tôi dừng lại. Ông trao cho thầy một tờ giấy in sẵn. Tôi đã nhìn thấy tờ giấy từ lúc ông rút nó ra khỏi cặp của ông. Tôi liếc nhanh, thấy ông viết viết cái gì đó vào những dòng còn để trống, sau đó đẩy về phía thầy, bảo thầy ký, và trao lại cho thầy. Ông nói:  
- Ngay ngày mai thầy phải làm việc với các nhà đương cục.  
Làm xong công việc đó, Quan Kiểm học quay người ra phía cửa. Tất cả chúng tôi đứng dậy. Quan Kiểm học dứt dóng bước nhanh ra ô-tô, không nói một lời chào. Còn thầy lặng thinh, không một mảy may biến sắc mặt. Lại vẫn một giọng bình thản, thầy bảo chúng tôi:   
- Bây giờ đến bài Luân lý. Các trò lấy sách Luân lý Giáo khoa thư.  
Hết bài luân lý thì chuông nhà thờ điểm dõng dạc mười hai tiếng. Nhưng lạ thay, chúng tôi tất cả đều không hề có cái cảm giác của bầy chim chờ được xổ lồng như mọi ngày. Cả lớp im phắc. Chờ đợi. Thầy đứng im, nhìn chăm chăm về phía cuối lớp. Thời gian trĩu xuống sâu thẳm.  
- Thôi thầy chào vĩnh biệt các con. Ngày mai thầy phải ra đi. Chắc chắn thầy không còn được gặp lại các con dưới mái trường này, nhưng thầy vẫn hy vọng một ngày nào đó...  
Nói đến đấy, thầy lặng đi.., lặng đi rất lâu. Đôi mắt thầy hoe đỏ. Thầy quay ra cửa, bước về phía cột cờ. Đứng nhìn một vòng quanh sân. Tất cả chúng tôi lặng lẽ theo thầy. Hôm ấy là một ngày cuối thu. Trời se lạnh.  
Thầy bị Quan Kiểm học kết tội dạy bài quá khích. Với lời buộc tội đó, chắc chắn thầy phải ra toà. Tôi hoàn toàn bặt tin thầy từ đấy.  
\*  
\* \*  
Thật ra trong hơn nửa thế kỷ học làm người của tôi, ba năm học thầy ở trường làng là một thời gian quá ngắn ngủi, nhưng trong ba năm ấy, chúng tôi đã học được biết bao điều hay lẽ phải. Không ngờ, bài học thuộc lòng hôm ấy, bài thơ cụ Nguyễn Phi Khanh viết cho Nguyễn Trãi, lại cũng chính là hồi chuông báo hiệu giờ ly biệt của thầy trò chúng tôi.  
Suốt hai ba chục năm sau này, bên tai tôi vẫn còn văng vẳng lời thầy:  
Chớ lần lữa theo loài nô lệ,  
Bán tổ tiên làm kế sinh nhai  
Cam tâm làm kiếp tôi đòi  
Nhục nhằn bêu riếu muôn đời hay chi  
Sống như thế sống đê sống nhục  
Sống làm chi thêm nhục non sông.  
Cứ như một bức tranh liên hoàn về thầy giáo, tôi liên tưởng tới những bài thầy giảng... Trong đó có một bài, tôi thấy cứ như điềm báo cho cái ngày thầy ra đi mãi mãi. Không biết các bạn khác còn nhớ không. Riêng tôi thì tôi nhớ, nhớ mạch lạc, cứ như đang còn trong lớp học. Đó là bài tập đọc tiếng Pháp, bài Buổi học cuối cùng của văn hào Alphonse Daudet.  
Tôi không thể quên được bài học hôm ấy. Thầy nói chậm lắm, cứ nâng niu từng chữ của người thầy giáo miền Andát - Lôren bên bờ sông Ranh của nước Pháp.  
...Hôm nay là buổi học cuối cùng thầy dạy các con. Ngày mai thầy phải ra đi... Hôm nay là buổi học cuối cùng các con được học bằng tiếng mẹ đẻ. Từ ngày mai các con sẽ phải học bằng tiếng Đức, học tiếng Đức không chỉ trong bài Đức văn, mà trong tất cả các bài Luân lý, Cách trí, Địa dư,... trong tất cả các bài học, các con ạ. Ngay cả những lời quở trách của các thầy cô giáo khi các con có điều không phải, các con cũng không còn được nghe bằng tiếng mẹ đẻ nữa đâu. Rồi đến cả những con chim ở ngoài vườn cây kia cũng phải hót bằng tiếng Đức.  
Nỗi nhục khi Tổ quốc của chúng ta, đất nước của những cuộc cách mạng vĩ đại bị quân xâm lăng chà đạp là như vậy đó.  
Thầy phải ra đi các con ạ. Thầy phải ra đi vĩnh viễn. Thầy phải từ biệt ngôi trường đã bốn mươi năm gắn bó. Hôm nay là buổi học cuối cùng.  
Nói rồi thầy quay mặt về phía bảng. Thầy đứng lặng, cố lấy hết sức, viết một dòng thật đậm: "Tổ quốc muôn năm!"  
...Tất cả những lời viết ra từ nước mắt ấy, cứ như không phải của một thầy giáo làng trên bờ sông Ranh bên nước Pháp xa lạ kia, mà là chính lời dặn dò của thầy.  
Không ngờ bài học ấy như một điềm báo cho cái ngày mà người ta tuyên đọc tờ lệnh ác nghiệt quyết định phút giây ly biệt với thầy.  
Hơn nửa thế kỷ đã qua trong cuộc đời một con người là một chặng đường dài. Dài đằng đẵng. Những ngày học trường làng cứ lùi mãi về phía sau xa xưa. Tôi đi vào cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Nhưng có một điều lạ kỳ, rất lạ, những năm học trường làng với tiếng chuông nhà thờ hằng ngày cứ dội lên mãi trong trái tim tôi.  
Nghĩ đến thầy tôi. Nghĩ đến giờ phút vĩnh biệt với thầy. Nhớ ngày Quan Kiểm học đến trường. Nhớ cái sân trường, nơi đỗ cái xe đen của ông Kiểm học, nơi chúng tôi chào cờ mỗi sớm thứ hai... Bỗng nhiên, tôi nhớ đến lời hát của bài quốc ca Pháp...  
Allons enfants de la Patrie,  
Le jours de gloire est arrivé!  
Lạ thay, lời ca ấy cứ như một hồi kèn giục giã:  
Đi lên, hỡi những người con của Tổ quốc,  
Ngày vinh quang đã tới rồi!  
Chính thầy đã dậy chúng tôi hát những lời ca ấy. Thời đó, chúng tôi phải chào cờ của nước Pháp, phải học quốc ca của Pháp ngay trong những ngày đầu tiên chập chững đến trường. Tôi không thể nhớ được thầy đã giảng giải như thế nào, nhưng chúng tôi đã tâm niệm, đó là bài ca của những người con đã ngã xuống vì một cuộc cách mạng vĩ đại. Thầy đã nói những gì đó để khối óc non nớt của chúng tôi hiểu được, bọn thực dân trên đất nước này đang làm ô danh bài ca của cuộc cách mạng vinh quang ấy. Từ lúc nào đó, chúng tôi đã quên hẳn đó là bài quốc ca của nước Pháp, mà chỉ còn tâm niệm đó là những lời kêu gọi, mỗi ngày cứ khơi dậy và hối thúc thêm lòng quả cảm của những trái tim nóng bỏng đứng lên giành lại Tổ quốc của mình. Lạ lắm các bạn ạ, sau này khi đã trưởng thành tôi vẫn cứ nhớ mãi cái cảm giác ấy, cái cảm giác trào lên lồng ngực mỗi khi chúng tôi cất tiếng hát vang "Đi lên, hỡi những người con của Tổ quốc"... cái cảm giác cứ như không phải hát bài quốc ca của một đất nước xa lạ, đất nước của bọn thực dân đang dày xéo Tổ quốc mình, mà cứ như đang lắng nghe đâu đấy, từ cõi rất sâu trong đáy lòng mình những lời giục giã ý chí quật cường của những đứa con của Tổ quốc...  
\*  
\* \*  
Đến năm được về hưu, tôi có thời gian rảnh rang đi đây đi đó để tìm về quá khứ. Nhớ mái trường tuổi thơ của hơn năm mươi năm trước, tôi đi tìm lại những người cũ... Mà, người tôi nghĩ đến nhiều nhất, mong muốn được gặp trước nhất chính là thầy giáo trường làng thời thơ ấu của tôi.  
...Sau suốt ba bốn năm trời lần mò chắp nối các dây liên hệ , tôi mới tìm được nơi thầy ở. Cuối cùng tôi đã tìm được nhà thầy ở một vạt ừng chênh vênh trên dốc núi trông ra Vịnh Hạ Long, nơi có cái tên rất đẹp "Khu Vườn Đào" nay đã là một địa danh trong khu du lịch bên bờ biển Bãi Cháy.   
Nhưng thật buồn cho tôi, khi tìm được đến nhà thầy thì thầy vừa qua đời chưa đầy một tháng rưỡi. Cô giáo (học trò thời xưa gọi vợ của thầy giáo là cô giáo) cũng đã mất trước đó ba năm. Tôi gặp người con của thầy. Tôi chỉ nói vài lời là ông ấy nhận ra tôi. Tôi ngạc nhiên hỏi tại sao ông ấy biết được, là vì khi tôi học thầy thì ông ấy còn chưa chào đời. Ông giải thích, mọi người trong gia đình đều rất quen thuộc với những địa danh và tên người mà thầy giáo tôi thường hay nhắc tới. Thầy nhớ da diết những năm tháng ở làng Hy Hà, phố Bến Hiệp, tổng Quỳnh Lang. Thầy vẫn ước ao, một ngày nào đó trở lại. Nhưng thầy lại bảo, liệu còn ai quen biết ở đó nữa không mà về?  
Ông giữ tôi ở lại giỗ 49 ngày của thầy. Thật tình tôi cũng muốn ở lại để được thắp nén hương tưởng nhớ vong linh của thầy trong ngày giỗ. Tôi muốn nán lại ít ngày còn vì một lý do nữa. Đó là được đọc bản thảo viết tay tập hồi ký mà thầy đã dành nhiều trang viết về những năm còn dạy học ở quê tôi.  
Điều tôi nóng lòng đầu tiên, là được đọc đoạn đời tiếp sau của thầy sau ngày thầy từ biệt ngôi trường làng mà thầy đã để lại biết bao thương nhớ.  
Tôi kính cẩn lần giở từng trang.  
"Thế là tôi đã bị lâm vào một vụ rắc rối về chính trị. Một ngày sau khi Quan Kiểm học cảnh cáo tôi giảng bài thơ Nguyễn Phi Khanh, các nhà đương cục đã lục soát tài liệu bài giảng của tôi. Họ đã tìm thêm được bài "Đồng bạc" của tác giả khuyết danh trong tập hồ sơ giáo án. Bài thơ như sau:  
ở bên nước Pháp mới đem về,  
Trông thấy, dù ai cũng phải mê.  
Chất vốn trời sinh ra trắng nuột,   
Nét nhờ khuôn đúc mặt tròn xoe.  
Già nua đã cụ còn ham lấy,  
Quyền thế như ai cũng phải vì.  
Người thế cớ sao mang tiếng bạc,  
Ví hay thì ở dở thì đi.  
"Họ cố tìm thêm xem tôi có cất giấu tài liệu của các tổ chức chính trị chống Pháp hay không. Họ hỏi tôi đủ thứ chuyện về Quốc Dân Đảng của ông Nguyễn Thái Học, rồi Đảng Cộng sản của cụ Nguyễn ái Quốc. Nhưng tịnh vô không có, vì thời kỳ đó, thực sự trong tôi chỉ mới bột phát tình cảm mong muốn truyền lại cho học sinh những tư tưởng nhân đạo, những tình cảm yêu nước mà tôi hiểu được qua các tác phẩm văn học Châu Âu, như Tâm hồn cao thượng của Edmond Amicis, Những kẻ khốn nạn của Victor Hugo, chứ tôi đâu đã có hiểu biết chút nào về các phong trào cách mạng.  
"Dù sao thì tôi cũng bị đình chỉ dạy học. Quan Kiểm học đã trình để Quan Đốc học đòi tôi chuẩn bị điều trần trước Hội đồng kỷ luật. Tôi phải về quê nằm chờ. Cũng may, trong khi đi lang thang để nghĩ một giải pháp ít tồi tệ nhất khi bị ra toà, thì tôi đã gặp được một người bạn cũ trong làng giáo học, là Nguyễn Chấn, thường gọi là Giáo Chấn. Cũng may cho tôi, không hiểu thế nào mà Giáo Chấn bấy giờ lại là thư ký của Dinh Đốc học. Giáo Chấn tiết lộ: "Chưa xét việc cậu được đâu. Cũng chưa đưa sang Mật thám, Tổng đốc, Công sứ gì đâu, vì bài "Phi Khanh" đã được DIRIP duyệt đăng trong Vận văn Bách tuyển của Trần Tuấn Khải, cuốn sách đã được phê chuẩn làm sách dạy cho bậc tiểu học". Ông còn văng ra một câu làm tôi nhớ mãi: "Sợ chó gì". Cái tổ chức mà ông gọi là DIRIP chính là tên gọi tắt tiếng Pháp của Nha học chính Bắc Kỳ (Direction de l Instruction Publique du Tonkin). Giáo Chấn còn rỉ tai với Quan Kiểm học: "Không thể đưa giáo Dụng (tức là tôi) ra hầu toà được đâu. Thưa Ngài, đưa ông ta ra toà thì người ta cười cho, là chúng ta không biết gì". Sau này Quan Kiểm học còn khen giáo Chấn: "May quá, không có ông thì hớ to. Ông đã cứu được danh dự cho Quan Kiểm học". Cũng nhờ công trạng đó mà giáo Chấn đã được bổ nhiệm làm chưởng giáo thay tôi vừa bị đình chỉ giảng dạy vì mắc "phốt truyền bá những bài quá khích.  
"Chính nhờ giáo Chấn mà nhà đương cục đã lờ tịt cái vụ "Phi Khanh". Nhưng còn vụ "Đồng bạc" thì tôi vẫn còn bị vướng, vẫn có thể ra toà. Giáo Chấn lại vỗ vai tôi: "Cậu nhún đi một tí để mà lo việc lớn". Tôi nghĩ bụng, giáo Chấn nói có lý. Ông ta còn vẽ đường cho tôi rất rành rẽ: "Với Quan Kiểm học thì cũng dễ thôi. Mua một món quà gì đó vừa phải. Mà phải mua gà sống thiến, chứ đừng mua hồng Bạch Hạc". Buồn cười nhất là sau vụ đó, có lần ông Kiểm học gặp tôi còn rất vồn vã: "Cái bài anh dạy... tôi cũng thích lắm đấy. Này, tôi nghi hình như anh cũng là Quốc dân đảng thì phải. Hình như anh cũng là hội đồng chí với ông Trần Tuấn Khải phải không?". Tôi chỉ cười. Nhưng thú vị nhất là, sau đó, chính ông ta lại biếu tôi cuốn Vận văn Bách tuyển có in hai dòng chữ đóng khung đậm: "Đã được Nha học chính Bắc kỳ duyệt làm sách giáo khoa bậc tiểu học".  
"Một điều mà các nhà cầm quyền không hề nghĩ hết là chính họ đã vạch đường cho tôi. Họ không biết chính nhờ mấy tháng bị họ làm rầy rà, mà tôi biết đến cách mạng, mà tôi bắt đầu nhận ra không khí sôi động của phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương hồi đó. Thấy tôi có tư tưởng yêu nước, tổ chức cách mạng trong giáo giới bắt đầu lôi cuốn tôi tham gia vào các phong trào. Đầu tiên là giáo Nẫm bạn tôi đã giới thiệu tôi với người em là anh Ba Đen. Ba Đen thấy tôi biết đá bóng, đàn hát, đã rủ tôi lập các hội thể thao, âm nhạc, qua đó phát triển phong trào cách mạng. Sau một thời gian, chúng tôi được gặp anh Nguyễn Danh Đới, xứ ủy Bắc kỳ, được anh giao việc tổ chức một nhóm vận động bầu cử cho nhà báo Nguyễn Công Truyền vào Viện Dân biểu Bắc kỳ. Anh bảo, Nguyễn Công Truyền là ứng cử viên của Mặt trận. Trong dịp bầu cử, tôi nhận nhiệm vụ tổ chức ô-tô đưa đón cử tri quê tôi. Ô-tô có dán chữ "T" mầu đỏ ở mặt kính. Chính qua hoạt động này, anh Đới đã cho tôi nghiên cứu các sách báo của cách mạng.   
"Cuộc tranh cử của anh Nguyễn Công Truyền đại diện cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương thất bại, vì phải đối đầu với một thế lực quá mạnh cả về chính trị, và về tiền bạc, là quan Nghị Mấn. Tôi vốn đã bị ghi sổ đen về tội quá khích, nay càng bị theo dõi gắt gao. Một hôm tôi nhận được lệnh của quan Đốc học Thái Bình Nguyễn Văn Đang triệu lên dinh Đốc học. Tôi chắc sẽ bị ông ta "sạt" cho một trận vì tội tham gia vào những hoạt động của các phong trào dân chủ. Tôi không bất ngờ, đã đoán là sẽ có chuyện. Nhưng điều thú vị là khi đến chỗ Đốc Đang tôi đã gặp một lô bạn bè, như giáo Nẫm, giáo Mâu, giáo Dĩnh, giáo Trưng. Ngài Đốc học lên giọng quát nạt nửa tiếng ta xen lẫn tiếng tây: "Các anh có biết Nhà nước payer (trả lương) cho các anh để làm gì không ? Các anh vờ không biết hả? Nhà nước payer cho các anh để mà dạy con người ta học hành, chứ đâu phải để đi làm chính trị?". Tôi biết, trong các anh đây có anh đã từng là assesseur (trợ tá) của Nguyễn Công Truyền". "Tôi nói cho các anh biết nhá, Nhà nước không payer cho các anh để các anh chống lại Nhà nước hiểu không? Chừa đi. Về đi." Rồi quan Đốc học hạ một câu tiếng Pháp "Allez, Preparez votre valise!". Ông ta ra lệnh đấy: "Hãy về chuẩn bị va li?".  
"Ban đầu, tôi còn ngây thơ, cứ tưởng ông ta chỉ quát nạt chúng tôi một trận đề doạ chơi. Ai ngờ đó là sự mở đầu một cuộc trừng phạt thật sự trong đám giáo giới. Không có cớ nào để bắt bớ, giam cầm, nhà đương cục chơi trò giam lỏng chúng tôi lên miền thượng du hy vọng cách ly chúng tôi với các trung tâm của phong trào cách mạng. Tháng 8 năm 1941 tôi bị tống lên trường Dực Yên thuộc châu Tiên Yên tỉnh Hải Ninh, giáo Dĩnh bị đẩy đi Dực Xá, cũng thuộc châu Tiên Yên. Giáo Trưng thì đi Nước Hai mãi trên Cao Bằng. Chỉ có giáo Nẫm là được ở vùng trung du, ngay trường Bình Dân ở Phú Thọ, nhưng đấy là nơi đã có sẵn bọn tổng lý kèm chặt.  
"Riêng anh Đới bị bắt, bị đầy đi nhà tù Sơn La, bị hành hạ, tra tấn, đầy đoạ đến đái ra máu và chết ngay trong nhà tù vào năm 1942. Nguyễn Danh Đới đã để lại trong các bạn bè giáo học chúng tôi một niềm tiếc thương vô hạn. Thế là tôi mất liên lạc với tổ chức. Mãi nhiều năm sau tôi mới tìm lại được đường dây liên hệ với phong trào."  
...Tôi lặng lẽ khép lại tập hồi ký của thầy tôi.  
Đêm ấy tôi ngồi với người con của thầy khuya lắm. Tôi được biết thêm rất nhiều điều về thầy. Nhưng có một điều quan trọng nhất làm tôi hiểu thêm thầy, dù thầy đã qua nhiều công việc trong những năm chiến tranh giải phóng, nhưng khi kết thúc chiến tranh, cuối cùng, nghề dạy học với thầy vẫn là một thú vui, một sở trường, một nghiệp chướng. Thầy không dứt được duyên nợ với nghề dạy học cho đến cuối đời.  
Trước khi nhắm mắt xuôi tay, một trong những lời căn dặn cuối cùng của thầy là mong sao con cháu sẽ làm nghề dạy học, cái nghề mà thầy đã suốt đời theo đuổi. Thầy bảo: "Dạy học là nghề vun đắp nhân cách con người. Dạy học là nghề mang lại trí tuệ và sợi dây nhân ái giữa con người".  
\*  
\* \*  
Sau giỗ 49 ngày, tôi cùng gia đình thầy lên thăm lại khu nghĩa trang trên đồi thông. Tôi kính cẩn thắp một nén hương, chắp tay bái biệt.  
Rừng thông trên đồi lao xao như những lời cầu nguyện rì rầm của các thế hệ học trò để thầy tôi yên giấc. Tôi đứng lặng trước phần mộ của thầy nhìn lên mảnh trời qua khe những cành thông lay động mà cảm thấy cứ như mỗi buổi sáng thứ hai ngày xưa đứng giữa sân trường cùng thầy hát vang bài ca của những người cách mạng:  
"Đi lên, hỡi những người con của Tổ quốc.  
Ngày vinh quang đã tới rồi!"  
Tôi kính cẩn chắp tay trước ngực, cái lồng ngực cứ như vẫn còn vô cùng bé bỏng trước vong linh của thầy : "...Kể từ buổi học cuối cùng ngày ấy đến hôm nay đã hơn sáu mươi năm. Hôm nay con đã về bên thầy đây... Nhưng mà hai miền âm dương ngàn trùng cách biệt. Con cầu nguyện cho anh linh của thầy trên cõi vĩnh hằng được yên nghỉ ngàn năm."  
Quỳnh Côi, 1999  
  
--------------------------  
1. Lớp ba thời Pháp, tương đương lớp ba của ta bây giờ.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn: DacTrung  
Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên  
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003